

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 8 năm 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phẩm
2. Bà Bùi Thị Hào

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Long Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu A, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Vũ Anh T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu A, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Anh T hiện đang lao động tại Hàn Quốc.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Vũ Anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ ngày 14/7/2008 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu không bị ép buộc. Tháng 10/2014 anh T đi lao động tại Hàn Quốc, thời gian đầu vợ chồng có liên lạc quan tâm đến nhau, sau này sống xa cách phát sinh nhiều mâu thuẫn không hòa giải được. Từ tháng 01/2018 vợ chồng đã không còn liên lạc với nhau, anh T không gửi tiền về cho chị nuôi con ăn học. Trước khi anh T chặn số điện thoại của chị, chị đã nói với anh T về việc ly hôn đơn phương. Chị không còn liên lạc nên không biết địa chỉ chỗ ở hiện nay của anh T ở bên Hàn Quốc. Chị chỉ biết anh T vẫn còn liên lạc với bố mẹ đẻ là ông Vũ Văn S và bà Mai Thị Ngọc, trú tại thôn 1, xã H, huyện

Đ, tỉnh Phú Thọ, chỉ đề nghị tòa án xác minh địa chỉ của anh T qua bố mẹ đẻ của anh. Nay chỉ xác định tình cảm không còn, đề nghị tòa án giải quyết cho chỉ được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chỉ có 02 con chung là cháu Vũ K, sinh ngày 25/01/2009 và cháu Vũ N, sinh ngày 16/10/2011. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chỉ. Khi ly hôn chỉ đề nghị được nuôi cả hai con chung và chưa yêu cầu cấp dưỡng mà chỉ và anh T sẽ tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chỉ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với thân nhân của anh Vũ Anh T. Ông Vũ Văn S là bố đẻ của anh T trình bày: Anh T là con đẻ của ông, anh T đi lao động tại Hàn Quốc và hiện nay anh T vẫn đang ở Hàn Quốc. Ông và gia đình không biết địa chỉ của anh T ở Hàn Quốc, chỉ thỉnh thoảng anh T điện thoại về hỏi thăm gia đình. Anh T có biết việc chỉ L khởi kiện ly hôn với anh T, gia đình ông cũng đều biết. Ông có hỏi anh T về quan điểm của anh thì anh T nói sẽ nhường quyền quyết định việc ly hôn cho chỉ L. Tòa án có yêu cầu ông liên lạc hỏi địa chỉ của anh T ở Hàn Quốc và bảo anh T gửi quan điểm về cho tòa án, nhưng ông khẳng định chắc chắn là không thể cho địa chỉ và anh T cũng không gửi quan điểm về được vì anh T đi lao động đã trốn ra ngoài, phải thay đổi công việc thường xuyên, nếu lộ địa chỉ sẽ bị bắt về nước. Ông S cũng từ chối gửi các văn bản tố tụng theo yêu cầu của Tòa án cho anh T với lý do ông cũng không biết địa chỉ của anh T ở Hàn Quốc.

Hiện tại, anh T đang lao động ở Hàn Quốc, anh T có liên lạc về cho gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ ở Hàn Quốc cho gia đình biết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Tn tại Nhà văn hóa khu và trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án xử cho chỉ Nguyễn Thị L được ly hôn anh Vũ Anh T. Về con chung, đề nghị giao 02 con chung cho chỉ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên lao động tự túc được. Về cấp dưỡng nuôi con chung, không xem xét giải quyết do chỉ L không có yêu cầu. Về công nợ chung, công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chỉ Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chỉ Nguyễn Thị L nộp đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Vũ Anh T tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, trong đơn khởi kiện

chị L trình bày hiện nay anh T đang lao động tại Hàn Quốc. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã có công văn số: 11/TA-DS ngày 10/12/2019 gửi Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh đối với anh Vũ Anh T. Tại văn bản số: 20828/QLXNC-P5 ngày 25/12/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận: Anh Vũ Anh T đã xuất nhập cảnh 07 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 10/3/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Việc Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định.

Hiện tại, anh Vũ Anh T đang ở Hàn Quốc nhưng không có địa chỉ cụ thể, gia đình anh T không cung cấp được địa chỉ cũng như không gửi được các văn bản tố tụng theo yêu cầu của Tòa án cho anh T. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao được xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 14/7/2008 chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn đến năm 2014 anh T đi lao động tại Hàn Quốc, lần cuối xuất cảnh là tháng 3/2018 đến nay chưa về. Từ thời điểm này tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt và phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống xa cách nên còn không quan tâm, chia sẻ tình cảm, cuộc sống gia đình với nhau. Do vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ nên chị L xin được ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy việc chị L xin ly hôn anh T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ K, sinh ngày 25/01/2009 và cháu Vũ N, sinh ngày 16/10/2011. Hai cháu hiện nay đang ở cùng với mẹ, do mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L đề nghị tòa án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, xét thấy là phù hợp nên cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L chưa có yêu cầu mà chị sẽ tự thỏa thuận với anh T, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định của pháp luật nên tòa án chưa xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T cũng không có mặt tại địa phương nên chưa xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Vũ Anh T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Vũ K, sinh ngày 25/01/2009 và cháu Vũ N, sinh ngày 16/10/2011 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung thành niên, lao động tự động tự túc được. Anh Vũ Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị L chưa yêu cầu tòa án giải quyết nên tòa án chưa xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án chưa xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0004052 ngày 03/01/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh Vũ Anh T được quyền kháng cáo để xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Việt Tiến